

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015291 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/9/2008.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để tất toán số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với tất cả tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của phần mềm máy tính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với phần mềm máy tính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	1,5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế GTGT:
 - Đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ: Áp dụng thuế suất 10%
 - Đối với hoạt động sách tranh và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất 5%
 - Đối với hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục, đĩa CD-Rom: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	360.156.000	178.590.200
Tiền gửi ngân hàng	4.816.940.620	3.096.629.613
Tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.000.000.000	5.300.000.000
Cộng	8.177.096.620	8.575.219.813

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu khác	41.023.860	123.611
Lãi dự thu	20.712.329	19.713.021
- Ngân hàng Công thương	20.712.329	18.930.555
- Ngân hàng Quân đội	-	782.466
Cộng	61.736.189	19.836.632

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	122.809.107	1.374.900
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	207.900
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	35.347.150
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	405.734.513	200.949.789
Cộng	528.543.620	237.879.739

8. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	180.572.168	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.800.431	36.994.378
Chi phí SX, KD dở dang	74.973.595	28.800.019
Thành phẩm	7.401.313.768	4.181.142.550
Hàng hóa	2.167.294.968	1.460.917.595
Cộng	9.881.954.930	5.707.854.542

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	8.000.000	8.000.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.438.686	17.333.440
Cộng	15.438.686	25.333.440

10. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	1.263.270.428	1.150.237.998	2.756.012.174
Mua sắm trong kỳ	-	-	124.098.637	124.098.637
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	1.263.270.428	1.274.336.635	2.880.110.811
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	400.841.375	1.088.869.687	1.832.214.810
Khấu hao trong kỳ	-	154.464.900	113.020.937	267.485.837
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	342.503.748	555.306.275	1.201.890.624	2.099.700.647
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	862.429.053	61.368.311	923.797.364
Số cuối kỳ	-	707.964.153	72.446.011	780.410.164

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.777.554.155 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm không cần dùng chờ thanh lý là 399.467.271 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Phần mềm phát hành VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Tăng khác	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	5.833.331	7.777.777	13.611.108
Khấu hao trong năm	9.166.669	12.222.223	21.388.892
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.166.669	12.222.223	21.388.892
Số cuối năm	-	-	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Bìa Atlas	-	113.172.377
Tem chống in lậu	864.557	1.035.971
Cộng	864.557	114.208.348

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	800.195.526	561.789.041
Thuế thu nhập cá nhân	294.521.033	155.091.396
Cộng	1.094.716.559	716.880.437

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	44.138.082	46.559.942
Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.008.054	43.669.689
- Thù lao HĐQT & BKS 2010	129.600.000	-
- Cổ tức phải trả	2.408.054	-
Cộng	176.146.136	90.229.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2009	18.600.000.000	472.041.246	188.816.499	420.058.150	19.680.915.895
Tăng trong năm	-	505.763.767	202.305.507	3.716.574.292	4.424.643.566
Giảm trong năm	-	-	-	1.425.078.534	1.425.078.534
Số dư tại 31/12/2009	18.600.000.000	977.805.013	391.122.006	2.711.553.908	22.680.480.927
Số dư tại 01/01/2010	18.600.000.000	977.805.013	391.122.006	2.711.553.908	22.680.480.927
Tăng trong năm	-	344.815.845	-	3.579.476.839	3.924.292.684
Giảm trong năm	-	-	-	2.576.815.845	2.576.815.845
Số dư tại 31/12/2010	18.600.000.000	1.322.620.858	391.122.006	3.714.214.902	24.027.957.766

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn đầu tư của Nhà Xuất bản Giáo dục	3.907.000.000	10.200.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	14.693.000.000	8.400.000.000
Cộng	18.600.000.000	18.600.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.711.553.908	420.058.150
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.579.476.839	3.716.574.292
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	2.576.815.845	1.425.078.534
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm trước	2.576.815.845	413.551.000
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	344.815.845	-
- Chia cổ tức của năm trước	2.232.000.000	413.551.000
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm nay	-	1.011.527.534
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính	-	202.305.507
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	505.763.767
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	303.458.260
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.714.214.902	2.711.553.908

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu	50.437.320.112	46.212.431.977
- Doanh thu sách tham khảo	316.914.493	2.029.209.422
- Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	36.055.493.933	32.664.502.807
- Doanh thu phim, băng đĩa	477.402.960	79.568.520
- Doanh thu thiết bị giáo dục	13.525.917.703	11.275.178.580
- Doanh thu khác	61.591.023	163.972.648
Các khoản giảm trừ doanh thu	433.750.059	208.059.236
- Chiết khấu thương mại	173.497.665	137.344.233
- Giảm giá hàng bán	948.600	-
- Hàng bán bị trả lại	259.303.794	70.715.003
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.003.570.053	46.004.372.741

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn sách tham khảo	172.442.504	1.557.128.468
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	24.632.538.719	21.940.426.560
Giá vốn phim, băng, đĩa	296.821.209	75.578.570
Giá vốn thiết bị giáo dục	11.879.397.024	10.442.499.427
Giá vốn hoạt động khác	61.534.121	131.800.988
Cộng	37.042.733.577	34.147.434.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	299.090.327	216.201.733
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	299.090.327	216.201.733

19. Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	25.894.054	38.666.112
Thu từ bán thanh lý hàng hóa do thiên tai	-	6.128.000
Bảo hiểm đền bù hàng hóa tổn thất do thiên tai	-	1.176.181.726
Hàng lưu chiều nhập lại vào kho	4.980.828	-
Các khoản thu nhập khác	601.432	18.929.987
Cộng	31.476.314	1.239.905.825

20. Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị hàng hóa thiệt hại do thiên tai	55.280.550	1.270.937.997
Phạt do mất hóa đơn	-	200.000
Phạt thuế	350.000	-
Chênh lệch công nợ	4.651.690	-
Xử lý hàng thiếu	19.384.903	-
Các khoản chi phí khác	-	2.192.581
Cộng	79.667.143	1.273.330.578

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.824.596.896	4.521.144.596
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	155.883.333	76.400.000
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	155.883.333	76.400.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.980.480.229	4.597.544.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.245.120.057	1.149.386.149
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	344.815.845
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.245.120.057	804.570.304
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.579.476.839	3.716.574.292

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.579.476.839	3.716.574.292
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.579.476.839	3.716.574.292
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.860.000	1.860.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.924	1.998

23. Các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Trong năm, Công ty có những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Mua hàng			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	Mua tem chống in lậu	136.766.000
Công ty CP Học liệu	Chung Cty đầu tư	Mua đĩa các loại	546.863.600
Công ty CP Sách - TBTH TP Hồ Chí Minh	Chung Cty đầu tư	Mua thiết bị giáo dục	5.511.086.009
Công ty CP in SGK tại TP Hà Nội	Chung Cty đầu tư	In tranh ảnh, bản đồ	3.401.253.350
Bán hàng			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	Biên tập sách chất lượng cao	192.500.000
Công ty CP SGD tại TP Hồ Chí Minh	Chung Cty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	3.676.215.160
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung Cty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	3.992.052.680
Công ty CP Học liệu	Chung Cty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	3.386.306.448
Công ty CP Đầu tư PTGD Hà Nội	Chung Cty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	287.736.300
Công ty CP Sách - TBTH TP Hồ Chí Minh	Chung Cty đầu tư	Bán tranh ảnh, bản đồ	1.252.883.360

b. Vào ngày 31/12/2010, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	Phải thu tiền sách	102.824.680	-
Công ty CP SGD tại TP Hồ Chí Minh		Phải thu tiền hàng	928.525.555	-
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	999.760.896	-
Công ty CP Học liệu	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	1.597.557.387	-
Công ty CP Đầu tư PTGD Hà Nội	Chung Cty đầu tư	Phải thu tiền hàng	118.771.868	-
Công ty CP Sách - TBTH TP Hồ Chí Minh	Chung Cty đầu tư	Phải trả tiền hàng	-	1.125.640.881
Công ty CP in SGK tại TP Hà Nội	Chung Cty đầu tư	Phải trả tiền hàng	-	138.925.200
Cộng			3.747.440.386	1.264.566.081

24. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.481.068.397	18.670.448.673
Chi phí nhân công	3.230.538.481	2.986.081.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.874.729	135.911.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.584.433.538	3.188.716.454
Chi phí khác bằng tiền	2.939.928.721	1.946.457.658
Cộng	31.524.843.866	26.927.615.787

25. Cổ tức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 03/04/2010 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 với tỷ lệ 12%/vốn điều lệ tương ứng với số tiền 2.232.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện chia cổ tức trong năm 2010.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 16/12/2010 đã thông qua phương án trả cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 8% mệnh giá cổ phiếu tương ứng với số tiền 1.488.000.000 đồng. Theo đó, ngày 10/01/2011 là ngày đăng ký cuối cùng, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức vào ngày 24/01/2011.

26. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

27. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Loan
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Đặng Thị Như